TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH Q**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 54/2022/QĐST - HNGĐ	*H, ngày 27 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H – TỈNH Q

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và khoản 4 điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 49/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Phạm Thị Kiều L, sinh năm 1994

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu Đ, xã T1, huyện T, tỉnh P.

- Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1988

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 10, khu 1, phường H1, thành phố H, tỉnh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kiều L và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 30/5/2014 tại Ủy ban nhân dân phường H1, thành phố H, tỉnh Q. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được hai bên nói chuyện hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh S và chị L đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận người ấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, không thể đoàn tụ được với nhau nên chị L và anh S đều thống nhất thuận tình ly hôn với nhau.

[2] Về con chung: chị Phạm Thị Kiều L và anh Nguyễn Văn S xác nhận: trong quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

[3] Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị Phạm Thị Kiều L và anh

Nguyễn Văn S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: chị Phạm Thị Kiều L và anh Nguyễn Văn S thỏa thuận thống nhất: chị L chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Kiều L và anh Nguyễn Văn S.

- Về con chung: chị Phạm Thị Kiều L và anh Nguyễn Văn S xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị Phạm Thị Kiều L và anh Nguyễn Văn S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị Kiều L tự nguyện chịu lệ phí giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự mà chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000636 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Q. Chị L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. H;
- Chi cục THADS TP. H;
- TAND tỉnh Q;
- UBND phường H1;
- Lưu VP, HSVA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Hùng